

*Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày: 29/09/2020*

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và ông Nguyễn Văn Khóa.*

**- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.**

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/07/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/08/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn: Anh Phạm Văn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Vương quốc Anh.

*Tại phiên tòa chị H và anh T đều vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/1998 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 năm. Đến năm 2013, anh T đi lao động tại Vương quốc Anh. Thời gian đầu, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho vợ con. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2016 tới

nay, anh T ít khi liên lạc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trầm trọng. Chị H và anh T ly thân từ năm 2016 đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Về địa chỉ của anh T ở nước ngoài, chị H không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Thị Thùy T1, sinh ngày 13/07/2000 và Phạm Việt H1, sinh ngày 01/08/2009. Hiện cháu T1g đang đi du học bên Hàn Quốc, cháu T1 đã đủ 18 tuổi nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu H1 hiện đang ở với chị H; do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Vương Thị V là mẹ của anh Phạm Văn T. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2020 và 31/08/2020, bà V trình bày: Chị H và anh T kết hôn từ cuối năm 1998. Hiện nay, anh T đang lao động tại nước Vương quốc Anh. Anh T đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Do anh T không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước Vương quốc Anh nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Phạm Việt H1 là con chung của chị H và anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/07/2020, cháu H1 trình bày: Hiện tại, cháu đang ở với mẹ tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu H1 có mong muốn được ở cùng với mẹ.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 13253/QLXNC-P5 ngày 07/08/2020 thể hiện: Anh Phạm Văn T, sinh ngày 21/08/1977, CMND số: 141766916, địa chỉ thường trú tại: Xã T, huyện S, Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số B3631651 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/11/2009; đề xuất cảnh lần gần nhất ngày 15/07/2013 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử

và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn T. Anh T hiện đang sinh sống tại Vương quốc Anh. Do đó, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/1998 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 năm. Đến năm 2013, anh T đi lao động tại Vương quốc Anh. Thời gian đầu, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho vợ con. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2016 tới nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không liên lạc với nhau. Chị H xác định chị và anh T ly thân từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị H và anh T là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Thị Thùy T1, sinh ngày 13/07/2000 và Phạm Việt H1, sinh ngày 01/08/2009. Hiện cháu Trang đang đi du học bên Hàn Quốc, cháu T1 đã đủ 18 tuổi nên chị H

không đề nghị Tòa giải quyết. Cháu H1 hiện đang ở với chị H, do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, chị H có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này anh T về Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên việc cấp dưỡng không đặt ra, sau này chị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Việt H1, sinh ngày 01/08/2009 cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0002804 ngày 24/07/2020. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện S;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thanh Tuấn**